



BẢN TIN SỐ **VỀ PHÁP LUẬT**

THÁNG 7 / 2024

MỤC LỤC

1. Văn bản được ban hành trong Tháng 7/2024.....	3
2. Văn bản có hiệu lực trong Tháng 7/2024.....	8
3. Bản án nổi bật của Tòa án nhân dân cấp cao (20/06/2023-20/07/2024.....	21

1. Văn bản pháp luật ban hành trong Tháng 7/2024

1.1. Luật Hành chính

1.1.1. Khu dân cư phải được tổ chức thực tập PCCC ít nhất 1 lần/năm

Theo đó khoản 4 Điều 1 Thông tư [32/2024/TT-BCA](#) sửa đổi, bổ sung Điều 10 của Thông tư [149/2020/TT-BCA](#) về thời hạn thực tập phương án chữa cháy.

Cụ thể, từ 24/8/2024, phương án chữa cháy cơ sở thuộc diện quản lý về phòng cháy và chữa cháy, khu dân cư, phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy chữa cháy phải được:

- Tổ chức thực tập ít nhất 01 lần/năm
- Và thực tập đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập.

Phương án chữa cháy của cơ quan Công an được tổ chức thực tập khi có yêu cầu của người có thẩm quyền phê duyệt phương án chữa cháy.

Trước khi tổ chức thực tập phương án, cơ quan Công an có trách nhiệm tổ chức thực tập phương án phải thông báo bằng văn bản trước thời điểm thực tập ít nhất 05 ngày làm việc cho:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã
- Người đứng đầu cơ sở nơi tổ chức thực tập

Đồng thời gửi yêu cầu huy động lực lượng, phương tiện cho các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân được huy động tham gia thực tập phương án trước thời điểm thực tập ít nhất 05 ngày làm việc.

1.1.2. Từ 01/8/2024, có thể bấm biển số xe trên ứng dụng định danh điện tử VNeID

Đây là quy định đáng chú ý tại Thông tư [28/2024/TT-BCA](#) sửa đổi, bổ sung Thông tư 24/2023/TT-BCA được Bộ Công an ban hành ngày 29/6/2024.

Theo đó, trình tự thủ tục đối với **trường hợp công dân Việt Nam thực hiện đăng ký xe lần đầu bằng dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước trên cổng dịch vụ công hoặc Ứng dụng định danh quốc gia**, có trình tự thủ tục theo quy định tại khoản 7 Điều 2 Thông tư 28/2024/TT-BCA bổ sung khoản 4 Điều 12 Thông tư [24/2023/TT-BCA](#) như sau:

- Chủ xe thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư 24/2023/TT-BCA; không phải đưa xe đến cơ quan đăng ký xe; đăng ký sử dụng dịch vụ bưu chính công ích để nhận chứng nhận đăng ký xe, biển số xe.

Khi nhận chứng nhận đăng ký xe, biển số xe, chủ xe gửi cho cơ quan đăng ký xe Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (có dán bản chà số máy, số khung của xe, đóng dấu giáp lai của cơ sở sản xuất) qua dịch vụ bưu chính công ích;

Nếu chủ xe không nộp Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (có dán bản chà số máy, số khung của xe, đóng dấu giáp lai của cơ sở sản xuất) hoặc thông tin bản chà số máy, số khung cung cấp không đúng với thông tin đã kê khai, chủ xe phải mang xe đến cơ quan đăng ký xe để chà số máy, số khung và nhận kết quả đăng ký xe;

- **Chủ xe thực hiện bấm biển số trên Cổng Dịch vụ công hoặc trên Ứng dụng định danh quốc gia** theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư 24/2023/TT-BCA;

- **Cổng dịch vụ công, Ứng dụng định danh quốc gia thông báo biển số xe** được cấp và hướng dẫn nộp tiền lệ phí đăng ký xe qua tin nhắn điện thoại hoặc

địa chỉ thư điện tử hoặc thông báo trên Ứng dụng định danh quốc gia để chủ xe nộp tiền qua tiện ích thanh toán được tích hợp trên cổng dịch vụ công, Ứng dụng định danh quốc gia;

- Sau khi thanh toán thành công lệ phí đăng ký xe, cổng dịch vụ công, Ứng dụng định danh quốc gia thông báo cho chủ xe việc hoàn thành nộp lệ phí.



1.2. Luật Đất đai

1.2.1. 3 luật liên quan đến bất động sản hiệu lực từ 01/8/2024

Ngày 29/6/2024, Quốc hội đã thông qua Luật 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số [31/2024/QH15](#), Luật Nhà ở số [27/2023/QH15](#), Luật Kinh doanh bất động sản số [29/2023/QH15](#), Luật Các tổ chức tín dụng số [32/2024/QH15](#).

Tại Luật 43/2024/QH15, Quốc hội cho phép 03 luật liên quan tới thị trường bất động sản có hiệu lực từ 01/8/2024. Thời

điểm này sớm hơn 05 tháng so với quyết định trước đó là 01/01/2025.

Luật 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 251 Luật Đất đai 2024. Theo đó, bãi bỏ Nghị quyết 132/2020/QH14 thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế từ ngày 01/01/2025.

Đồng thời, sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 252, cho phép Luật Đất đai 2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024 (trừ khoản 10 Điều 255 và khoản 4 Điều 260 của Luật Đất đai 2024 có hiệu lực từ ngày 01/01/2025)

Luật cũng sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 197 Luật Nhà ở 2023; sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 82 Luật Kinh doanh bất động sản 2023; và sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 209 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2024.

1.2.2. Quy định bồi thường đất khi bị thu hồi mà diện tích đất khác với thực tế

Chính phủ vừa ban hành Nghị định [88/2024/NĐ-CP](#) ngày 13/7/2024 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Theo Điều 6 Nghị định này, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất mà diện tích đo đạc thực tế khác với diện tích ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã cấp (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) hoặc giấy tờ quy định tại Điều 137 của Luật Đất đai thì bồi thường về đất như sau:

- Nếu diện tích đo đạc thực tế nhỏ hơn diện tích ghi trên Giấy chứng nhận thì bồi thường về đất theo diện tích đo đạc thực tế theo quy định tại khoản 6 Điều 135 của Luật Đất đai. Trường hợp đã hoàn thành việc đo đạc thực tế phục vụ cho việc thu hồi đất mà sau đó do thiên tai, sạt lở, sụt lún dẫn đến tại thời điểm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư diện tích của thửa đất đã đo đạc bị thay đổi thì sử dụng số liệu đã đo đạc để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Trường hợp có sự chênh lệch diện tích đất mà số liệu đo đạc thực tế lớn hơn số liệu ghi trên Giấy chứng nhận hoặc giấy tờ quy định tại Điều 137 của Luật Đất

đai, không có tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề thì diện tích bồi thường được xác định theo số liệu đo đạc thực tế theo quy định tại khoản 6 Điều 135 của Luật Đất đai.

Trường hợp Giấy chứng nhận hoặc giấy tờ quy định tại Điều 137 của Luật Đất đai mà vị trí, tọa độ không chính xác thì xem xét bồi thường theo đúng vị trí, tọa độ khi đo đạc thực tế.

1.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất từ 01/8/2024

Chính phủ vừa ban hành Nghị định số [71/2024/NĐ-CP](#) quy định về giá đất, có hiệu lực thi hành kể từ ngày Luật Đất đai số 31/2024/QH15 có hiệu lực thi hành.

Theo đó, các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất đối với đất phi nông nghiệp, bao gồm:

- Vị trí, địa điểm của khu đất, thửa đất;
- Điều kiện về giao thông: kết cấu mặt đường, độ rộng, tiếp giáp với 01 hoặc nhiều mặt đường;
- Điều kiện về cấp điện, cấp thoát nước;
- Diện tích, kích thước, hình thể của thửa đất, khu đất;
- Các yếu tố liên quan đến quy hoạch xây dựng gồm: hệ số sử dụng đất, mật độ xây dựng, chỉ giới xây dựng, giới hạn về chiều cao công trình xây dựng, giới hạn số tầng hầm được xây dựng theo quy hoạch chi

tiết xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (nếu có);

- Hiện trạng môi trường, an ninh;
- Thời hạn sử dụng đất;
- Các yếu tố khác ảnh hưởng đến giá đất phù hợp với điều kiện thực tế, truyền thống văn hóa, phong tục tập quán của địa phương.

Các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất đối với đất nông nghiệp, bao gồm:

- Năng suất cây trồng, vật nuôi;
- Vị trí, đặc điểm thửa đất, khu đất: khoảng cách gần nhất đến nơi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm;
- Điều kiện giao thông phục vụ sản xuất, tiêu thụ sản phẩm: độ rộng, cấp đường, kết cấu mặt đường; điều kiện về địa hình;
- Thời hạn sử dụng đất, trừ đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho hộ gia đình, cá nhân theo hạn mức giao đất nông nghiệp, đất nông nghiệp trong hạn mức nhận chuyển quyền thì không căn cứ vào thời hạn sử dụng đất;
- Các yếu tố khác ảnh hưởng đến giá đất phù hợp với thực tế, truyền thống văn hóa, phong tục tập quán của địa phương.

1.3. Luật Ngân hàng

1.3.1. Từ 01/01/2025: Không xác thực sinh trắc học sẽ không thể giao dịch online

Căn cứ theo quy định tại hai Thông tư 17/2024/TT-NHNN, Thông tư 18/2024/TT-NHNN Ngân hàng Nhà nước ban hành mới đây thì từ 01/1/2025 nếu không xác thực sinh trắc học sẽ không thể giao dịch online

Theo đó, tại Khoản 5 Điều 17 Thông tư [17/2024/TT-NHNN](#) có quy định ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khi hướng dẫn khách hàng sử dụng tài khoản thanh toán phải đảm bảo một trong những nguyên tắc như:

- Phạm vi sử dụng và hạn mức giao dịch theo từng đối tượng khách hàng phù hợp với quy định về quản lý rủi ro và thỏa thuận mở và sử dụng tài khoản thanh toán.

- Có đủ thông tin cần thiết để kiểm tra, đối chiếu, xác minh thông tin nhận biết.

- Chỉ được thực hiện rút tiền, giao dịch thanh toán bằng phương tiện điện tử trên tài khoản thanh toán khi đã hoàn thành việc đối chiếu khớp đúng giấy tờ tùy thân và thông tin sinh trắc học của chủ tài khoản hoặc người đại diện (đối với khách hàng cá nhân) hoặc người đại diện hợp pháp (đối với khách hàng tổ chức) với:

- Dữ liệu sinh trắc học được lưu trong bộ phận lưu trữ thông tin được mã hóa của thẻ CCCD hoặc thẻ căn cước của người đó đã được xác thực chính xác hoặc

thông qua xác thực tài khoản định danh điện tử của người đó do Hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập.

- Dữ liệu sinh trắc học được thu thập thông qua gặp mặt trực tiếp người đó đối với trường hợp là người nước ngoài không sử dụng danh tính điện tử, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch.

- Dữ liệu sinh trắc học đã được thu thập và kiểm tra

- Dữ liệu sinh trắc học của người đó được lưu trong CSDL quốc gia về dân cư trong trường hợp sử dụng thẻ căn cước công dân không có bộ phận lưu trữ thông tin được mã hóa...

Bên cạnh đó, tại khoản 6 Điều 16 Thông tư [18/2024/TT-NHNN](#) cũng nêu rõ, thẻ chỉ được sử dụng để thực hiện giao dịch bằng phương tiện điện tử khi đã hoàn thành việc đối chiếu thông tin khớp đúng với giấy tờ tùy thân và thông tin sinh trắc học của chủ thẻ.



2. Văn bản pháp luật có hiệu lực trong Tháng 7/2024

2.1. Luật Hành chính

2.1.1. Hàng loạt Luật có hiệu lực tháng 7/2024

Từ ngày 01/7/2024, có tới 10 Luật sẽ chính thức có hiệu lực gồm:

- Luật Căn cước 2023: Quy định về loại giấy tờ tùy thân mới của công dân cả nước là thẻ Căn cước thay cho thẻ Căn cước công dân và Chứng minh nhân dân đang áp dụng...
- Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2023: Quy định các vấn đề liên quan đến người tiêu dùng...
- Luật Giá 2023: Quy định cụ thể các trường hợp Nhà nước được định giá cũng như danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc danh sách bình ổn giá...
- Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở 2023
- Luật Tài nguyên nước 2023: Quy định các vấn đề liên quan đến tài nguyên nước như bảo vệ tài nguyên nước, khôi phục nguồn nước...
- Luật Giao dịch điện tử 2023: Quy định chi tiết về chữ ký điện tử, chữ ký số, hợp đồng điện tử...
- Luật Viễn thông 2023: Quy định các dịch vụ viễn thông, quyền, nghĩa vụ của chủ thuê bao sử dụng dịch vụ viễn thông...

- Luật Hợp tác xã 2023: Quy định cụ thể tiêu chí phân loại hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã...
- Luật Phòng thủ dân sự 2023: Dự luật mới quy định về các biện pháp phòng, chống, khắc phục hậu quả của chiến tranh, sự cố, thiên tai, thảm họa, dịch bệnh...

2.1.2. Chính thức có mẫu thẻ Căn cước

Sau khi ban hành Luật Căn cước 2023, Bộ Công an chính thức ban hành mẫu thẻ Căn cước mới áp dụng từ ngày 01/7/2024 tới đây tại Thông tư [16/2024/TT-BCA](#).

Theo đó, tương ứng với từng đối tượng được cấp thẻ Căn cước, Thông tư 16 sẽ có mẫu thẻ Căn cước khác nhau:

- Áp dụng cho công dân dưới 06 tuổi sẽ không có thông tin Ảnh gương mặt.
- Với công dân từ đủ 06 tuổi trở lên: Có đầy đủ các thông tin trong thẻ Căn cước được nêu tại Luật Căn cước 2023 gồm: Ảnh khuôn mặt, chip điện tử, số định danh cá nhân, họ tên khai sinh, ngày tháng năm sinh, giới tính, quốc tịch...

Không chỉ vậy, Bộ Công an tiếp tục ban hành Thông tư 17/2024/TT-BCA hướng dẫn chi tiết Luật Căn cước. Trong đó, đáng chú ý có các nội dung:

- Hình thức thể hiện căn cước điện tử
- Thông tin nơi cư trú thể hiện trên thẻ Căn cước

- Cách thể hiện thông tin về nơi sinh, nơi đăng ký khai sinh, quê quán, dân tộc, tôn giáo... trên thẻ Căn cước khi không có/không thu nhận được đầy đủ thông tin...



2.1.2. Đã có hướng dẫn thu thập ADN khi làm thẻ Căn cước

Chính phủ ban hành Nghị định 70/2024/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Căn cước có hiệu lực từ 01/7/2024.

Theo Điều 13 Nghị định này, thông tin về sinh trắc học như vân tay, khuôn mặt, móng mắt được thu thập, cập nhật khi thực hiện cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ Căn cước cho công dân. Cụ thể như sau:

Thu thập, cập nhật thông tin ADN

- Hình thức sau:

- Trực tiếp tại cơ quan quản lý căn cước.
 - Thông qua ứng dụng định danh quốc gia VNeID.
- Điều kiện được thu thập:
- Xét nghiệm, phân tích, tạo lập dữ liệu đáp ứng tiêu chuẩn.

- Đảm bảo giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu, bảo đảm xác định duy nhất công dân đó trong Cơ sở dữ liệu căn cước.

- Hồ sơ đề nghị:

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước;

- Giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý xác thực kết quả xét nghiệm, phân tích, lưu trữ thông tin ADN (nếu có)

- Trình tự, thủ tục thu thập, cập nhật:

Bước 1: Nộp hồ sơ đề nghị thu thập, cập nhật ADN vào Cơ sở dữ liệu căn cước.

Bước 2: Thực hiện cập nhật

- Nếu thông tin đã có thì kiểm tra, đối sánh và xác thực đảm bảo tính chính xác của thông tin trước khi thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu căn cước trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đề nghị.
- Nếu chưa có thông tin trong hệ thống thì báo bằng văn bản, nêu rõ lý do và hướng dẫn thực hiện thu thập, cập nhật ADN.

2.1.3. Trẻ dưới 14 tuổi được cấp tài khoản định danh điện tử riêng từ 01/7/2024

Trước đây, Điều 11 Nghị định [59/2022/NĐ-CP](#) quy định công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên được cấp tài khoản định danh điện tử riêng. Còn công dân Việt Nam là người chưa đủ 14 tuổi

hoặc là người được giám hộ thì chỉ được đăng ký theo tài khoản định danh điện tử của cha, mẹ hoặc người giám hộ.

Tuy nhiên theo quy định mới tại Điều 7 Nghị định [69/2024/NĐ-CP](#), mọi lứa tuổi đều được cấp tài khoản định danh điện tử riêng. Cụ thể:

- Công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên đã có thẻ Căn cước công dân/thẻ Căn cước còn hiệu lực được cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 01, mức độ 02.
- Công dân Việt Nam từ đủ 06 đến dưới 14 tuổi có thẻ Căn cước được cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 01, tài khoản định danh điện tử mức độ 02 khi có nhu cầu.
- Công dân Việt Nam dưới 06 tuổi có thẻ Căn cước được cấp tài khoản định danh mức độ 01 khi có nhu cầu.

Đối với người nước ngoài từ đủ 06 tuổi trở lên đã có thẻ thường trú, tạm trú tại Việt Nam được cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 01, tài khoản định danh điện tử mức độ 02 khi có nhu cầu. Người nước ngoài dưới 06 tuổi có thẻ thường trú, tạm trú tại Việt Nam được cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 01 khi có nhu cầu.

Cơ quan, tổ chức thành lập/hoạt động tại Việt Nam được cấp tài khoản định danh điện tử không phân biệt mức độ.

2.1.4. Từ 01/7/2024, muốn làm trật tự thôn phải tham gia xét tuyển

Thông tư [14/2024/TT-BCA](#) quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở 2023.

Cụ thể, tại Điều 3 Thông tư này, để tham gia Tổ viên tổ bảo vệ an ninh, trật tự hay trật tự thôn thì cần phải tham gia xét tuyển với thủ tục dưới đây:

- Hồ sơ tuyển chọn: Đơn đề nghị; bản khai sơ yếu lý lịch, chứng nhận đủ sức khỏe, bằng tốt nghiệp/đã hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở trở lên/đã học xong chương trình giáo dục tiểu học.

- Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nộp hồ sơ
- Bước 2: Công an xã tiếp nhận hồ sơ.
- Bước 3: Lập danh sách công dân dự tuyển và niêm yết công khai danh sách trong thời hạn 15 ngày.
- Bước 4: Thành lập hội đồng xét tuyển và họp xét tuyển
- Bước 5: Niêm yết công khai kết quả xét tuyển trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản kết quả xét tuyển.

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Công an cấp xã.



2.1.5. Từ 12/7/2024, kê khai hàng hóa không đúng giá bán bị phạt tới 25 triệu đồng

Chính phủ ban hành Nghị định [87/2024/NĐ-CP](#) quy định xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý giá. Trong đó có quy định mức phạt với hành vi kê khai hàng hóa không đúng giá bán.

Theo đó, Điều 12 Nghị định này quy định về xử phạt hành vi vi phạm về kê khai giá hàng hóa, dịch vụ như sau:

Đối với hành vi vi phạm quy định về kê khai giá hàng hóa, dịch vụ:

Phạt tiền từ 03 - 05 triệu đồng đối với hành vi kê khai không đủ các nội dung hoặc không đúng mẫu của văn bản kê khai giá.

Hành vi này, ngoài xử phạt hành chính còn buộc nộp lại văn bản kê khai đủ các nội dung hoặc đúng mẫu.

Hành vi kê khai không đúng giá bán hoặc không kê khai giá với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định:

- Phạt tiền từ 10 - 15 triệu đồng nếu kê khai không đúng giá bán hoặc không kê khai giá từ 01 đến 10 hàng hóa, dịch vụ cụ thể thuộc diện kê khai giá;
- Phạt tiền từ 15 - 20 triệu đồng nếu kê khai không đúng giá bán hoặc không kê khai giá từ 11 đến 20 hàng hóa, dịch vụ cụ thể thuộc diện kê khai giá;
- Phạt tiền từ 20 - 25 triệu đồng nếu kê khai không đúng giá bán hoặc không kê khai giá từ 21 hàng hóa, dịch vụ cụ thể thuộc diện kê khai giá trở lên.

Các hành vi này ngoài phạt tiền còn buộc thực hiện kê khai lại các mức giá đã thực hiện.

2.2. Luật Hôn nhân và Gia đình

2.2.1. 3 trường hợp chồng không được ly hôn khi vợ sinh

Đây là hướng dẫn mới nhất tại Nghị quyết số [01/2024/NQ-HĐTP](#) trong giải quyết vụ việc hôn nhân, gia đình, có hiệu lực từ 01/7/2024.

- Vợ sinh con ra rồi nhưng không nuôi con trong thời gian từ khi sinh đến khi con dưới 12 tháng tuổi.
- Con chết sau khi vợ sinh trong thời gian dưới 12 tháng tuổi kể từ khi sinh con.
- Vợ phải đình chỉ thai nghén khi có thai từ 22 tuần tuổi trở lên

Như vậy, chỉ có một trong ba trường hợp trên thì vợ sinh con chồng không được ly hôn.

2.3. Luật Kinh tế

2.3.1. Công khai người bán hàng online vi phạm quyền lợi người tiêu dùng từ 01/7/2024

Tiếp tục là một chính sách mới có hiệu lực từ ngày 01/7/2024 tại [Nghị định 55/2024/NĐ-CP](#) hướng dẫn Luật Bảo vệ người tiêu dùng 2023.

Cụ thể, theo khoản 1 Điều 24 Nghị định 55, nếu người bán hàng online có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thì sẽ bị công bố công khai trên báo, đài, niêm yết tại trụ sở và đăng tải trên cổng thông tin của Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trong đó, nội dung công khai sẽ gồm tên, địa chỉ của người bán có hành vi vi phạm về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hành vi, địa bàn vi phạm; quyết định xử phạt vi phạm hành chính...

Việc công khai thông tin này được thực hiện trong 30 ngày kể từ ngày công bố.

2.3.2. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá từ 10/7/2024

Ngày 10/7/2024, Chính phủ ban hành Nghị định [85/2024/NĐ-CP](#) hướng dẫn Luật Giá 2023, trong đó liệt kê các hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.

Cụ thể các hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá được nêu chi tiết tại Phụ V ban

hành kèm theo Nghị định 85/2024/NĐ-CP như sau:

- Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá: Xăng, dầu thành phẩm; Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG); Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi; Phân đạm; phân DAP; phân NPK; Vắc-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm; Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh...

- Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định mức giá cụ thể bán cho người tiêu dùng;

- Hàng hóa, dịch vụ do doanh nghiệp quyết định theo giá tham chiếu...

Theo đó, căn cứ nhu cầu của công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và yêu cầu quản lý nhà nước về giá, bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá quy định tại điểm d khoản 2 Điều 28 Luật Giá, số [16/2023/QH15](#) theo phân công.

2.4. Luật Ngân hàng

2.4.1. Trường hợp ngân hàng phong tỏa tài khoản người nhận chuyển khoản nhầm

Hướng dẫn giải quyết cho trường hợp chuyển khoản nhầm, Chính phủ đã quy định tại Nghị định [52/2024/NĐ-CP](#).

Cụ thể, Điều 11 Nghị định 52 nêu rõ, tài khoản ngân hàng sẽ bị phong tỏa một phần hoặc toàn bộ số dư nếu thuộc một trong các trường hợp dưới đây:

- Chủ tài khoản và ngân hàng đã có thỏa thuận trước.
- Theo yêu cầu của chủ tài khoản ngân hàng.
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc yêu cầu bằng văn bản.
- Khi có nhầm lẫn, sai sót ghi Có nhầm vào tài khoản thanh toán của khách hàng hoặc theo yêu cầu hoàn trả tiền của ngân hàng chuyển tiền vì có nhầm lẫn, sai sót so với lệnh thanh toán của bên chuyển tiền sau khi ghi Có vào tài khoản thanh toán của khách hàng.
- Khi có yêu cầu phong tỏa của một trong các chủ tài khoản thanh toán chung trừ trường hợp có thỏa thuận trước giữa các chủ tài khoản chung và ngân hàng.

2.4.2. Từ 01/7/2024, chuyển khoản trên 10 triệu đồng phải xác thực sinh trắc học

Để đảm bảo an toàn, bảo mật trong thanh toán trực tuyến và thanh toán thẻ ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành [Quyết định 2345/QĐ-NHNN](#) và áp dụng từ ngày 01/7/2024.

Một trong các nội dung đáng chú ý của Quyết định này là việc yêu cầu xác thực

sinh trắc học khi chuyển khoản trên 10 triệu đồng.

Cụ thể, Điều 1 Quyết định 2345 nêu rõ, khi thực hiện giao dịch loại C thì bắt buộc phải khớp với dữ liệu sinh trắc học được lưu trong thẻ Căn cước công dân hoặc trong Cơ sở dữ liệu sinh trắc học đã được thu thập và kiểm tra.

Trong đó, các loại giao dịch loại C là giao dịch chuyển tiền cùng ngân hàng hoặc liên ngân hàng, nạp tiền vào ví điện tử, chuyển tiền giữa các ví, rút tiền từ ví điện tử đáp ứng điều kiện:

Có giao dịch từ dưới 10 triệu đồng mà có tổng số tiền chuyển khoản trong ngày dưới 1,5 triệu đồng và tổng số tiền giao dịch cùng các giao dịch tra cứu thông tin, chuyển tiền cùng ngân hàng, cùng chủ tài khoản, thanh toán hàng hóa, dịch vụ... trên 20 triệu đồng.

Chuyển tiền trên 10 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng và có số tiền giao dịch trong ngày cao nhất đến 1,5 triệu đồng.



2.4.3. Quy định về hoạt động cho vay của quỹ tín dụng nhân dân từ 01/7/2024

Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư [29/2024/TT-NHNN](#) về quỹ tín dụng nhân dân. Trong đó, quy định hoạt động cho vay của quỹ tín dụng nhân dân từ 01/7/2024.

Theo Điều 26 Thông tư 29/2024/TT-NHNN, hoạt động cho vay của quỹ tín dụng nhân dân từ 01/7/2024 thực hiện như sau:

Đây là hoạt động chủ yếu nhằm mục đích tương trợ giữa các thành viên để thực hiện có hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh và cải thiện đời sống của các thành viên quỹ tín dụng nhân dân.

Quỹ tín dụng nhân dân cho vay bằng đồng Việt Nam theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Quỹ tín dụng nhân dân không được cho vay bảo đảm bằng Sổ góp vốn của thành viên.

- Quỹ tín dụng nhân dân cho vay đối với:

- Thành viên là pháp nhân
- Khách hàng là pháp nhân
- Cá nhân không phải là thành viên

Cá nhân không phải là thành viên có tiền gửi tại quỹ tín dụng nhân dân trên cơ sở bảo đảm bằng số dư tiền gửi tại chính

quỹ tín dụng nhân dân đó và thời hạn cho vay không được vượt quá thời hạn còn lại của hợp đồng tiền gửi, sổ tiết kiệm tại chính quỹ tín dụng nhân dân đó.

2.5. Luật Lao động

2.5.1. Tăng lương tối thiểu vùng từ 01/7/2024 thêm 6% từ 01/7/2024

Chính phủ đã chính thức công bố Nghị định [74/2024/NĐ-CP](#) mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.



Bên cạnh đó, khoản 1, khoản 2 Điều 4 quy định:

- Mức lương tối thiểu tháng:

Là mức lương thấp nhất làm cơ sở để thỏa thuận và trả lương đối với người lao động áp dụng hình thức trả lương theo tháng, bảo đảm mức lương theo công việc/chức danh của người lao động làm việc đủ thời giờ làm việc bình thường trong tháng và hoàn thành định mức lao động hoặc công việc đã thỏa thuận không được thấp hơn mức lương tối thiểu tháng.

- Mức lương tối thiểu giờ:

Là mức lương thấp nhất làm cơ sở để thỏa thuận và trả lương đối với người lao động áp dụng hình thức trả lương theo giờ, bảo đảm mức lương theo công việc hoặc chức danh của người lao động làm việc trong một giờ và hoàn thành định mức lao động hoặc công việc đã thỏa thuận không được thấp hơn mức lương tối thiểu giờ.

2.5.2. Chính thức tăng lương cơ sở lên 2,34 triệu đồng/tháng

Mới đây, Nghị định [73/2024/NĐ-CP](#) quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang đã được Chính phủ ban hành.

Tại khoản 2 Điều 3 Nghị định 73 quy định:

“2. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024, mức lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng”

Đối với các cơ quan, đơn vị đang được áp dụng các cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù ở trung ương thì thực hiện bảo lưu phần chênh lệch giữa tiền lương và thu nhập tăng thêm tháng 6/2024 của cán bộ, công chức, viên chức với tiền lương từ ngày 01/7/2024 sau khi sửa đổi hoặc bãi bỏ cơ chế tài chính và thu nhập đặc thù.

Trong thời gian chưa sửa đổi hoặc bãi bỏ các cơ chế này thì thực hiện mức tiền

lương và thu nhập tăng thêm hàng tháng tính theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng theo cơ chế đặc thù từ ngày 01/7/2024.

Đồng thời, Bộ Nội vụ ban hành Thông tư 07/2024/TT-BNV hướng dẫn mức lương cơ sở với đối tượng hưởng lương đơn vị sự nghiệp công lập. Trong đó, có quy định về cách tính mức lương, phụ cấp và hoạt động phí.

- Công thức tính mức lương:

(Mức lương thực hiện từ ngày 01/7/2024)	=	(Mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng)	x	(Hệ số lương hiện hưởng)
---	---	--	---	--------------------------

- Công thức tính mức phụ cấp:

+ Đối với các khoản phụ cấp tính theo mức lương cơ sở:

(Mức phụ cấp thực hiện từ ngày 01/7/2024)	=	(Mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng)	x	(Hệ số phụ cấp hiện hưởng)
---	---	--	---	----------------------------

+ Đối với các khoản phụ cấp tính theo % mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có):

(Mức phụ cấp thực hiện từ ngày 01/7/2024)	(Mức lương thực hiện từ ngày 01/7/2024)	Mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo thực hiện từ ngày 01/7/2024 (nếu có)	Mức phụ cấp thâm niên vượt khung thực hiện từ ngày 01/7/2024 (nếu có)	(Tỷ lệ % phụ cấp được hưởng theo quy định)
---	---	---	---	--

+ Đối với các khoản phụ cấp quy định bằng mức tiền cụ thể thì giữ nguyên theo quy định hiện hành.

2.5.3. Tăng mức hưởng trợ cấp, phụ cấp, chế độ ưu đãi người có công

Chính phủ vừa ban hành Nghị định [77/2024/NĐ-CP](#) sửa đổi Nghị định 75/2021/NĐ-CP quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng đã được sửa đổi theo Nghị định 55/2023/NĐ-CP.

Theo đó, Nghị định 77 đã sửa đổi khoản 1 Điều 3 của Nghị định [75/2021/NĐ-CP](#) đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định [55/2023/NĐ-CP](#).

Cụ thể, nâng mức chuẩn trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng là 2.789.000 đồng (mức cũ là 1.624.000 đồng).



Nghị định này cũng sửa đổi khoản 2 Điều 6 về chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe của Nghị định 75/2021/NĐ-CP. Theo đó, điều dưỡng phục hồi sức khỏe tập trung: Mức chi bằng 1,8 lần mức chuẩn/01 người/01 lần.

Nội dung chi bao gồm:

- Tiền ăn trong thời gian điều dưỡng;
- Thuốc thiết yếu;
- Quà tặng cho đối tượng;
- Tham quan;
- Các khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho đối tượng trong thời gian điều dưỡng (mức chi tối đa 10% mức chi điều dưỡng phục hồi sức khỏe tập trung)

2.5.4. Tăng 15% trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã già yếu đã nghỉ việc

Thông tư [8/2024/TT-BNV](#) nhằm hướng dẫn việc tăng 15% trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã già yếu đã nghỉ việc từ 01/7/2024 đã được Bộ Nội vụ đã ban hành ngày 05/7/2024.

Đối tượng áp dụng của Thông tư 8/2024/TT-BNV là cán bộ xã, phường, thị trấn già yếu đã nghỉ việc đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo:

- Quyết định 130-CP năm 1975 của Hội đồng Chính phủ bổ sung chính sách, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ xã

- Quyết định 111-HĐBT năm 1981 về việc sửa đổi, bổ sung một số chính sách, chế độ đối với cán bộ xã, phường

Theo đó, từ ngày 01/7/2024, thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã già yếu đã nghỉ việc theo quy định tại Điều 2 Nghị định [75/2024/NĐ-CP](#) điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng như sau:

(1) Tăng thêm 15% mức trợ cấp hàng tháng trên mức trợ cấp được hưởng tại thời điểm tháng 6/2024 đối với cán bộ xã già yếu đã nghỉ việc.

Mức trợ cấp hàng tháng được hưởng từ ngày 01/7/2024 tính theo công thức sau:

Mức trợ cấp hàng tháng = Mức trợ cấp được hưởng tại thời điểm tháng 6 năm 2024 x 1,15

Trong đó: *Mức trợ cấp được hưởng tại thời điểm tháng 6/2024 là mức trợ cấp quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư 11/2023/TT-BNV hướng dẫn thực hiện*

điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã, phường, thị trấn già yếu đã nghỉ việc.

(2) Từ ngày 01/7/2024, sau khi điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã già yếu đã nghỉ việc theo quy định tại mục (1) mà có mức trợ cấp được hưởng thấp hơn 3.500.000 đồng/tháng thì được điều chỉnh tăng thêm như sau:

- Tăng thêm 300.000 đồng/người/tháng: Đối với những người có mức hưởng trợ cấp hàng tháng dưới 3.200.000 đồng/người/tháng;

- Tăng lên bằng 3.500.000 đồng/người/tháng: Đối với những người có mức hưởng trợ cấp hàng tháng từ 3.200.000 đồng/người/tháng đến dưới 3.500.000 đồng/người/tháng.

Căn cứ quy định tại mục (1) và (2), cán bộ xã già yếu đã nghỉ việc quy định tại Điều 1 Thông tư 8/2024/TT-BNV được hưởng mức trợ cấp hàng tháng là 3.500.000 đồng/tháng từ ngày 01/7/2024 gồm:

- Cán bộ nguyên là Bí thư Đảng ủy
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân
- Phó Bí thư
- Phó Chủ tịch
- Thường trực Đảng ủy
- Ủy viên thư ký Ủy ban nhân dân
- Thư ký Hội đồng nhân dân xã
- Xã đội trưởng
- Trưởng công an xã

- Và các chức danh còn lại

Chế độ quy định tại Thông tư 8/2024/TT-BNV được thực hiện kể từ ngày 01/7/2024.

2.6. Luật Tài chính

2.6.1. Chính thức giảm thuế giá trị gia tăng xuống 8% đến hết 2024

Chính phủ ban hành Nghị định giảm thuế giá trị gia tăng xuống 8% đến hết 2024 là Nghị định số [72/2024/NĐ-CP](#) ngày 30/6/2024.

Cụ thể, Nghị định nêu rõ sẽ giảm 2% từ 10% xuống 8% (với cơ sở kinh doanh tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ) và giảm 20% mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng với cơ sở kinh doanh (bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh) tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu trừ nhóm hàng hóa, dịch vụ sau:

- Viễn thông, hoạt động tài chính, chứng khoán, ngân hàng, kinh doanh bất động sản, bảo hiểm, than cốc, dầu mỏ tinh chế, kim loại và sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), sản phẩm hoá chất.
- Sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.
- Công nghệ thông tin.

Đặc biệt, việc giảm VAT này áp dụng thống nhất tại các khâu nhập khẩu, gia công, sản xuất và kinh doanh thương mại. Riêng mặt hàng than khai thác bán ra (bao gồm cả khai thác sau đó qua phân loại, sàng tuyển theo quy trình khép kín mới bán ra) thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng. Còn các khâu khác ngoài khâu khai thác bán ra thì không được giảm VAT.



2.6.2. Từ 01/7/2024: Giảm đến 50% mức thu nhiều khoản phí, lệ phí

Tại Thông tư số [43/2024/TT-BTC](#) của Bộ Tài chính mới đây đã quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo đó giảm mức thu một số khoản phí, lệ phí từ 10% - 50%. Cụ thể:

Các loại phí, lệ phí được giảm 50% như:

- Phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng;
- Lệ phí cấp Căn cước công dân;
- Lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;
- Lệ phí nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;
- Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề đại diện sở hữu công nghiệp,...

Các khoản phí, lệ phí giảm 10 - 30% như:

- Phí thẩm định cấp chứng chỉ, giấy phép, giấy chứng nhận trong hoạt động hàng không dân dụng;
- Phí cấp giấy phép ra vào khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay;
- Lệ phí ra, vào cảng hàng không, sân bay đối với chuyến bay của nước ngoài đến các cảng hàng không Việt Nam;
- Phí hải quan đối với chuyến bay của nước ngoài đến các cảng hàng không Việt Nam.

Mức thu các khoản phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư 43 được áp dụng từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024. Từ 01/01/2025, các khoản phí, lệ phí trở lại mức thu như hiện hành.

2.7. Luật Hình sự

2.7.1. Thêm 15 chất mới trong Danh mục chất ma túy và tiền chất từ 17/7/2024

Chính phủ vừa ban hành Nghị định [90/2024/NĐ-CP](#) sửa đổi, bổ sung danh mục chất ma túy và tiền chất tại Nghị định số 57/2022/NĐ-CP. Theo đó, bổ sung các chất quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.

Nghị định 90/2024/NĐ-CP bổ sung các chất vào Danh mục II "Các chất ma túy được dùng hạn chế trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, điều tra tội phạm hoặc trong lĩnh vực y tế theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Cụ thể, bổ sung 14 chất ma túy vào danh mục IIC. Các chất và muối có thể tồn tại của chất này gồm:

- 3-Chloromethcathinone (3-CMC)
- 2-Methyl-AP-237
- 3-Methylmethcathinone (3-MMC)
- ADB-4en-PINACA
- ADB-FUBIATA
- ADB-INACA
- Alpha-PiHP
- Butonitazene
- Etazene
- MDMB-INACA
- N,N-Dimethylpentylone
- Protonitazene
- Etonitazepyne

Bên cạnh đó, Nghị định cũng bổ sung chất Bromazolam vào Danh mục III "Các chất ma túy được dùng trong phân tích, kiểm

NGHIỆM, nghiên cứu khoa học, điều tra tội phạm hoặc trong lĩnh vực y tế, thú y theo quy định của cơ quan có thẩm quyền".

3. Bản án xét xử phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao (từ 20/06/2023-20/07/2024)

(Nguồn: congbobanan.toaan.gov.vn)

3.1. Luật Hành chính

Bản án: số 632 ngày 25/06/2024 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Tên bản án: Bà Nguyễn Thị Ngọc H kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cà M về Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai

Thông tin về vụ án: Bà Nguyễn Thị Ngọc H kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cà M về Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai.

Bản án: số 634 ngày 25/06/2024 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Tên bản án: Ông Nguyễn Ngọc S kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đ về Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai

Thông tin về vụ án: Ông Nguyễn Ngọc S kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đ về Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai

Bản án: số 662 ngày 27/06/2024 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Tên bản án: Đặng Hữu Định

Thông tin về vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm d khoản 2 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 193, Điều 194, Điều 204, khoản 1 Điều 206, Điều 211, khoản 1 Điều 213 Luật Tổ tụng Hành chính 2015; Các khoản 1 Điều 6, khoản 3 và khoản 6 Điều 12, điểm d khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 11, điểm b khoản 2 Điều 38 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 11 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022); Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 58, điểm đ khoản 1 Điều 59, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 65, khoản 2 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi bổ sung năm 2020; Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Căn cứ khoản 4 Điều 92, khoản 1 Điều 93 Luật Nhà ở năm 2014; Căn cứ Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo ông Đặng Hữu Đ; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 2624/2023/HC-ST ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hữu Đ về yêu cầu hủy Quyết định số 1235/QĐ-KPHQ ngày 22/02/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Đặng Hữu Đ.
3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Đặng Hữu Đ phải nộp 300.000 đồng; được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo B1 lại thu số 0031770 ngày 29/01/2014 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị 5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Bản án: số 616 ngày 21/06/2024 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Tên bản án: Đoàn Ngọc Mai

Thông tin về vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Đoàn Ngọc M. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 1832/2023/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh. Căn cứ các Điều 3, 32, 116, 157, 143, 144 và 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Căn cứ Luật Đất đai năm 2003; Căn cứ Pháp lệnh Án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Ngọc M. Bác yêu cầu hủy Quyết định số 7755/QĐ-UBND – TNMT ngày 17/6/2010 về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N643412 do Ủy ban nhân dân Quận B cấp ngày 06/4/1999 cho bà Đoàn Ngọc M.
2. Đình chỉ yêu cầu hủy các Quyết định số 13223/QĐ-UBND ngày 04/10/2010 về việc hủy Quyết định số 6768/QĐ-UBND ngày 26/10/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B và Quyết định giải quyết khiếu nại số 7602/QĐ-UBND-TTr ngày 08/6/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Đoàn Ngọc M chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0004024 ngày 18/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Bản án: số 253/2024/HC-PT ngày 26/06/2024 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Tên bản án: Người khởi kiện: Ông Phạm T, sinh năm 1950. Địa chỉ: Số B H, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum

Thông tin về vụ án: Chấp nhận kháng cáo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K. Sửa bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2024/HC-ST ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum về thay đổi tư cách bị đơn và án phí.

Bản án: số 242/2024/HC-PT ngày 21/06/2024 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Tên bản án: Người khởi kiện: Ông Lê K, sinh năm 1966 và bà Trần Thị D, sinh năm 1971; địa chỉ: Khu phố N, Phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên

Thông tin về vụ án: Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Lê K và bà Trần Thị D và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 55/2023/HC-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Bản án: số 246/2024/HC-PT ngày 25/06/2024 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Tên bản án: Người khởi kiện: ông Ngô Công T, sinh năm 1981 và bà Đinh Thị Kim C, sinh năm 1983; cùng địa chỉ: khối B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam

Thông tin về vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 và Điều 348, 349 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 bác kháng cáo của ông Ngô Công T và giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 189/2023/HC-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

3.2. Luật Dân sự:

Bản án: số 313/2024/DS-PT ngày 21/06/2024 của TAND cấp cao tại Hà Nội

Tên bản án: “Tranh chấp về thừa kế tài sản, chia tài sản chung và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” giữa ông Hoàng Phú T và ông Hoàng Phú T1

Thông tin về vụ/việc: Bác toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn ông Hoàng Phú T. Giữ nguyên quyết định của Bản án án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Bản án: số 453 ngày 21/06/2024 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Tên bản án: Nhiêu Th kiện Lê Trung T

Thông tin về vụ/việc: Ông Nhiêu Th yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Lê Trung T và bà Nguyễn Thị Ch tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất và trả lại cho ông Nhiêu Th và bà Lê Thị Th diện tích 5.110,9m² đất, tọa lạc tại khu vực S, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận, trong đó có diện tích đất 2.200m² đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 909540 ngày 02/11/2011.

Bản án: số 462 ngày 26/06/2024 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Tên bản án: Lê Tiến Tình

Thông tin về vụ/việc: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lê Tiến T. Giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 82/2023/DS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 38, Điều 39, Điều 99, Điều 101, Điều 147, Điều 227, Điều 271, 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Áp dụng khoản Điều 5, khoản 1 Điều 26, Điều 95, Điều 100, Điều 166, khoản 1 Điều 167, Điều 179, Điều 203 của Luật đất đai đã được sửa đổi bổ sung năm 2013. Áp dụng Điều 255, Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 221 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Tiến T đối với bị đơn bà Hồ Thị Bích P về tranh chấp quyền sử dụng đất; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà P và chị Ú.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Lê Tiến T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0003926 ngày 07/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang nay được chuyển thành tiền án phí phúc thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Bản án: số 207/2024/DS-PT ngày 24/06/2024 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Tên bản án: Nguyên đơn: ông Trương Quang K, sinh năm 1958. Địa chỉ cư trú: nhà số A B đường T, phường G, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thông tin về vụ/việc: - Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trương Quang K. - Không chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ôn Văn D, bà Trương Thị Kim C, ông Trương B1. - Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2023/DS-ST ngày 30/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

3.3. Luật Hình sự

Bản án: số 495/2024/HS-PT ngày 21/06/2024 của TAND cấp cao tại Hà Nội

Tên bản án: Lò Văn H, Trần Văn T1 "Mua bán trái phép chất ma túy" - phạm tội tàng trữ vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt ma túy (điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999)

Thông tin về vụ án: Bản án hình sự đối với bị cáo Lò Văn H, Trần Văn T1 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Bản án: số 509/2024/HS-PT ngày 25/06/2024 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Tên bản án: Mai Văn D phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: - Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Mai Văn D, Lê Thị T1, Nguyễn Văn H, Hồ Văn P. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2024/HS-ST ngày 23/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về hình phạt đối với các bị cáo Mai Văn D, Lê Thị T1, Nguyễn Văn H, Hồ Văn P: Xử phạt bị cáo Mai Văn D 10 (mười) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/7/2023; Xử phạt bị cáo Lê Thị T1 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; Xử phạt bị cáo Hồ Văn P 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

Bản án: số 307/2024/HS-PT ngày 01/07/2024 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Tên bản án: Lê Quốc H - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Quốc H, Lê Quốc T1, Thiều Văn H2, Nguyễn Trung Đ và Đoàn Văn H5. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2024/HS-ST ngày 24/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với các bị cáo.

Bản án: số 272/2024/HS-PT ngày 24/06/2024 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Tên bản án: Đỗ Thị Huyền T - phạm tội tham ô tài sản (điều 353 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án:

1. Căn cứ Điều 342; Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 18/QĐ-VC2 ngày 14/3/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

2.1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Việt H. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2024/HS-ST ngày 22/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về phần hình phạt đối với bị cáo.

2.2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo: Nguyễn Việt H 15 (mười lăm) năm tù về tội “Tham ô tài sản”.